

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 3 - 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chính

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền

2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 598/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Mỹ Ng, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã V, thành phố V, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Thanh T, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2020, nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ N trình bày:**

Chị và anh T kết hôn do mai mối nhưng sau đó hai bên có tìm hiểu thêm và quyết định tiến tới hôn nhân; có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/9/2019 tại UBND xã V, thành phố V, tỉnh H.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân kể từ đó cho đến nay. Kể từ khi ly thân chị đã cùng con về nhà cha mẹ ruột sống

đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do khi chị sinh con thì anh T không có trách nhiệm với vợ con. Do đó, chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Phan Trường Xuân T1, sinh ngày 23/7/2020 hiện đang sống với chị Ng. Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn anh Phan Thanh T trình bày:***

Anh xác định trình bày của chị Ng với tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng sự thật.

Đối với yêu cầu của chị Ng, ý kiến anh như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị Ng.
- Về con chung: Trường hợp, Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị Ng yêu cầu ly hôn với anh T; Về con chung: Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Anh T yêu cầu đoàn tụ, các vấn đề khác anh không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Trương Thị Mỹ Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Thanh T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bị đơn anh Phan Thanh T có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh K nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh T. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với lời trình bày của anh chị đã có căn cứ xác định: Anh T, chị Ng có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố V, tỉnh H. Nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh chị chung sống đến tháng 7 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân kể từ đó cho đến nay. Kể từ khi ly thân chị đã cùng con về nhà cha mẹ ruột sống đến nay.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do khi chị sinh con thì anh T không có trách nhiệm với vợ con. Do đó, anh đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình của vợ chồng theo khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ng được ly hôn anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về con chung: Cháu Phan Trường Xuân Tình T, sinh ngày 23/7/2020 hiện đang sống với chị Ng, chị yêu cầu được quyền tiếp tục dưỡng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Do chị Ng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

(Trừ trường hợp có thay đổi về quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật).

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng và anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Ng phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005808, ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị Ng đã nộp đủ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trương Thị Mỹ Ng được ly hôn với anh Phan Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Trường Xuân Tình T, sinh ngày 23/7/2020 cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Do chị Ng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

(Trừ trường hợp có thay đổi về quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật).

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng và anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Ng phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005808, ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị Ng đã nộp đủ án phí theo quy định.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Ng, anh T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 18/3/2021.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THA DS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Lê Văn Hồng Chinh